TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 7 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự.

Ông Châu Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị G, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lê Bảo T, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị G, thể hiện*:

Về hôn nhân: Chị G và anh Lê Bảo T chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn; khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến gia đình. Từ nguyên nhân trên, chị G xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Lê Ngọc H, sinh ngày 30/6/2008 do anh T đang nuôi dưỡng, Khi ly hôn, chị G đồng ý giao Ngọc H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, nợ và các vấn đề khác: Chị G xác định không có.

* *Đối với anh Lê Bảo T*: Mặc dù đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị G nhưng anh T không có ý kiến gì về các nội dung khởi kiện của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Bảo T đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định.

[2] Chị G và anh T tự nguyện chung sống hôn vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo chị G, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến gia đình. Từ nguyên nhân trên, chị G xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Anh T không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân và yêu cầu xin ly hôn của chị G.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị G yêu cầu ly hôn với anh T mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét việc đồng ý giao Ngọc H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn của chị G, thấy rằng:

Tòa án đã yêu cầu anh T đưa Ngọc H đến để Tòa án ghi nguyện vọng khi cha, mẹ ly hôn nhưng anh T không thực hiện; tuy nhiên do Ngọc Hân do anh T đang nuôi dưỡng và không có ý kiến của chị G về nội dung này. Do đó, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên giữ nguyên Ngọc H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có ý kiến gì về nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản, nợ và các vấn đề khác: Chị G xác định không có trong khi đó anh T không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị G và anh Lê Bảo T.

2. Về con chung: Giao Lê Ngọc H, sinh ngày 30/6/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị G phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0014313 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị G đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn